

Bản án số: 116/2024/DS-PT

Ngày: 21/02/2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Phí Thành Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2023/TLPT-DS ngày
06/10/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện BV, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2024/QĐ-PT ngày
10/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐ-PT ngày 24/01/2024
giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** 1. Ông Lê Hữu D, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bà Đào Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T: Chị Phùng Thị H, sinh năm
1989; Địa chỉ: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

***Bị đơn:** 1. Anh Vũ Văn V, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Chị Đào Thị T, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. **Bà Vũ Thị Đ**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

2. **Bà Vũ Thị X**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

3. **Bà Vũ Thị S**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn PN, xã PĐ, huyện BV, Hà Nội.

4. **Bà Vũ Thị Y**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LX, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

5. **Bà Dương Thị Th**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

6. **Anh Lê Hữu Đ**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn MT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

7. **Chị Lê Thị T**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội.

8. **Ủy ban nhân dân xã VT, huyện BV, Thành phố Hà Nội.**

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân P - Chủ tịch UBND xã VT(vắng mặt).

- **Người kháng cáo: Ông Vũ Văn V, bà Đào Thị T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T và người đại diện theo ủy quyền Phùng Thị H trình bày: Năm 1989, thực hiện Nghị quyết 64 của Chính phủ, Quyết định số 250 của tỉnh Hà Tây giao đất 10% cho người dân, thời điểm đó UBND xã VT có chính sách đổi đất 10% về ao trong làng. Gia đình chúng tôi có đổi về ao trong xóm cùng nhà Ông Vũ Văn V với diện tích là 401m², sổ thừa 995, bản đồ số 24. Hai hộ đã được giao và chia theo diện tích trên. Nhà chúng tôi 201m², nhà ông V, bà T 200m². Sau khi hai nhà thả cá chung một thời gian, vì ao tù nên không có hiệu quả, đến năm 2001, hai gia đình quyết định chia dọc ao từ trên xuống, gia đình chúng tôi đã nhờ người vác đất đắp bờ, phần ao nhà tôi giáp nhà ông Th, phần ao nhà ông V, bà T giáp nhà ông SH. Đến năm 2021, ông V có lên nhà chúng tôi xin cho đi qua để đổ đất vào phần ao nhà ông V, sau khi đổ xong sẽ trả lại mặt nước cho nhà chúng tôi, nhưng ông V, bà T đã tự ý đổ ngang ao, tức ông V, bà T đã đổ đất vào phần ao giáp với đất nhà ông V. Mặc dù gia đình tôi đã đến nói chuyện, yêu cầu ông V, bà T trả lại mặt bằng ao cho nhà chúng tôi nhưng ông V, bà T không trả mà còn trồng cây lên phần ao của gia đình chúng tôi. Nay đề đảm*

bảo quyền lợi cho mình, chúng tôi đề nghị Tòa án phân chia ao dọc như trước kia, và ông V, bà T phải trả lại phần ao mà ông V, bà T đã đổ đất cho gia đình chúng tôi.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Vũ Văn V, Đào Thị T trình bày như sau:*

Năm 1989 hộ gia đình ông Vũ Văn Đ gồm bố anh V là Vũ Văn Đ, sinh năm 1931, chết năm 2001; mẹ anh Đ là Lê Thị H, sinh năm 1933, chết năm 2012, chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1960 hiện nay đang sinh sống tại thôn NT, xã VT, chị Vũ Thị S, sinh năm 1970, năm 1995 đi lấy chồng hiện đang sinh sống tại xã PD, huyện BV, chị Vũ Thị Y, sinh năm 1973, lấy chồng tại thôn LX, xã VT và Anh Vũ Văn V. Năm 1996 anh V mới kết hôn với vợ là Đào Thị T. Nguồn gốc đất (ao) là đất ruộng 10% ở ngoài đồng, đổi lấy ao ở gần nhà, đất ao được giao chung với hộ ông Lê Hữu C (Bố đẻ Ông Lê Hữu D), hộ gia đình ông Được được giao 200m² (ao). Từ năm 1989 hộ gia đình ông Được và hộ gia đình ông Lê Hữu C (Trong đó có ông C) thực hiện việc thả cá chung đến năm 2000 hộ gia đình ông C mà cụ thể là Ông Lê Hữu D đắp bờ bao ở giữa phân chia ao làm đôi (Bờ bao ở giữa ao song song với bờ tre nhà anh V). Khi ông D đắp bờ bao ở giữa phân chia ao làm đôi, gia đình anh V, chị T không có ý kiến gì. Ông D thả cá được khoảng một năm thì bờ bao bị vỡ do vậy hai gia đình đã bỏ không ao (không thả cá) từ năm 2001. Đến năm 2016, anh V và vợ là Đào Thị T thực hiện việc đổ đất ngang $\frac{1}{2}$ ao. Trước khi anh V và vợ thực hiện việc đổ đất ngang $\frac{1}{2}$ ao, anh V có hỏi ông C việc đổ đất thì được ông C, ông D và bà T đồng ý, tôi đổ hết 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu) tiền đất. Trên đất ao, anh V và chị T xây tường bao, chõng chuối. Đến năm 2021 anh V và chị T đổ thêm 100 xe ô tô đất, công san gạt hết số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Khi đổ đất ông D, bà T không có ý kiến gì, đến năm 2022 hai bên gia đình xảy ra tranh chấp đất. Khi nhà nước giao ao là giao cho hai hộ sử dụng chung, không giao vị trí cụ thể. Khi gia đình anh chị hai lần đổ đất đã đều thông báo cho ông D, bà T biết họ không có ý kiến gì. Vì vậy, anh V, chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T.

** Tại biên bản làm việc ngày 03 tháng 4 năm 2023, các bà Vũ Thị Đ, Vũ Thị X, Vũ Thị S và Vũ Thị Y trình bày:* Chúng tôi có bố là Vũ Văn Đ, sinh năm 1931, chết năm 2001, mẹ là Lê Thị H, sinh năm 1938, chết năm 2012. Bố mẹ chúng tôi sinh được 05 người con, gồm 04 chị em chúng tôi và em út Vũ Văn V. Khi còn sống, bố mẹ chúng tôi có tài sản chung là 391m² đất tại thửa đất số 996, tờ bản đồ số 24 thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Sau khi chết, bố mẹ chúng tôi không để lại di chúc, toàn bộ diện tích đất trên do em Vũ Văn V quản lý, sử dụng. Đến năm 2021, cụ thể ngày 23/3/2021 bốn chị em chúng tôi đã hoàn thiện thủ tục để em trai là Vũ Văn V được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất đất ở, đất vườn 391m² thửa đất số 996, tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Đối với diện tích đất ao tại thửa 995, diện tích 200m² tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội đây cũng là tài sản do bố mẹ chúng tôi để lại. Tuy nhiên, bốn chị em chúng tôi cũng cam kết để lại toàn bộ diện tích đất này cho em là Vũ Văn V sử dụng, chúng tôi không có tranh chấp, đòi hỏi gì đối với diện tích đất này. Nay giữa em Vũ Văn V, vợ là Đào Thị T cùng Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T có tranh chấp với nhau về diện tích đất

này, chúng tôi nhận thấy không liên quan gì đến diện tích đất này nên từ chối tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án sau này không triệu tập chúng tôi.

** Tại các biên bản làm việc ngày 29/3/2023 những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các hộ gia đình: bà Th, anh Đ, chị Th liên kế diện tích đất ao đang tranh chấp giữa ông D, bà T với anh V, chị T trình bày: Các hộ gia đình liên kế như bà Th, anh Đ, chị Th đều xác định quá trình sử dụng đất từ trước đến nay không có tranh chấp với các hộ đang sử dụng diện tích đất ao. Bà Th, anh Đ, chị Th hiện không có tranh chấp gì với ông D, bà T, anh V, chị T. Trước đây, phần đất ao do ông D, bà T, anh V, chị T quản lý, hai gia đình đã đắp bờ dọc ao ngăn đôi hai bên. Ông D bà T sử dụng một phần ao. Anh V, chị T sử dụng một phần ao. Đối với phần diện tích đất bị sạt lở sang diện đất thuộc quyền sử dụng của bà Th, anh Đ, chị Th thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, các hộ gia đình liên kế đều không có tranh chấp gì và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

** Qua đo đạc thực địa thể hiện phần bờ ao có diện tích 60,9m² tiếp giáp với ao nhà Anh Lê Hữu Đ. UBND xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội có quan điểm: Trước đây phía UBND xã chỉ giao cho công dân được sử dụng phần mặt nước ao, đối với phần bờ ao có diện tích 60,9m² đối với thửa 995; 995⁻² đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng, chỉ giao phần mặt nước bên trong cho các bên quản lý, sử dụng.*

Tại biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 21/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện BV đã xác định: Tài sản trên đất gồm: 04 cây Ổi, đường kính 5cm cao dưới 3m có giá là 150.000 đồng/cây = 600.000 đồng. 03 cây Bưởi đường kính 5cm cao dưới 3m có giá là 150.000 đồng/cây = 450.000 đồng. 10 cây Mít đường kính 5cm cao dưới 3m có giá là 150.000 đồng/cây = 1.500.000 đồng. 01 cây Sung đường kính 30cm cao trên 5m có giá là 1.200.000 đồng. Tài sản là đất: 01 diện tích đất Ao, thửa số 995, tờ bản đồ số 24, diện tích theo bản đồ 299 là 401m² tại thôn HT, xã VT, huyện BV. Đo đạc hiện trạng là 380,5m². Qua một số kênh thông tin được cán bộ và nhân dân thôn HT, xã VT, huyện BV cung cấp. Giá đất nông nghiệp (Đất nuôi trồng thủy sản) tại thời điểm tháng 12/2022 giá đất là 1.000.000 đồng/m² tương đương 360.000.000 đồng/sào bắc bộ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện BV đã tiến hành hòa giải nhiều lần cho các bên đương sự nhưng không thành. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương hòa giải theo hướng ban đầu các bên có nguyện vọng chuyển nhượng lại cho nhau với giá chuyển nhượng ban đầu 200.000.000đ, phía bị đơn nhất trí nhận chuyển nhượng với giá trị 200.000.000đ, phía nguyên đơn lại không nhất trí, do vậy kết quả hòa giải không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm: ông D, bà T, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án phân chia đất đất ao theo chiều dọc như nguyên trạng chiều dọc mà các bên đã thỏa thuận sử dụng khi đắp bờ kè giữa ao phân theo chiều dọc. Anh V, chị T đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T, giữ nguyên hiện trạng đất ao như hiện nay vì khi đổ đất san lấp ao theo chiều ngang có sự đồng ý của ông D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BV đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, 39, 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, 175, 176, 208, 209, 219, 220 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T đối với Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T.

2. Xác định phần đất Ao thực tế có diện tích: 380,5m² là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Ông Lê Hữu D và hộ ông Vũ Văn Đ.

3. Xác định, lấy điểm F – C làm ranh giới 02 diện tích đất được chia 1/2 theo chiều dọc của Ao.

- Giao cho hộ Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T: 1/2 diện tích đất ao là 190,2m² theo chiều dọc, tại thửa đất số 995², tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Được giới hạn từ các điểm: F, C, 6, B, A, 2, G, F (Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T phải có trách nhiệm di dời, thu hoạch cây cối, hoa màu, các tài sản khác trên phần đất được giao cho hộ Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T, để trả lại mặt bằng cho hộ Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Văn Đ gồm: Bà Vũ Thị Đ, Bà Vũ Thị X, Bà Vũ Thị S, Bà Vũ Thị Y, Anh Vũ Văn V.

Giao cho Anh Vũ Văn V được sử dụng 1/2 diện tích đất ao là 190,3m² theo chiều dọc tại thửa đất số 993², tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Được giới hạn từ các điểm: F, C, D, E, 11, F (Có sơ đồ kèm theo).

5. Kiến nghị UBND huyện BV, thành phố Hà Nội thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số P 643180, cấp ngày 11/11/1999 đối với phần diện tích đất 200m² tại thửa số 993² tờ bản đồ 24 mang tên hộ ông Vũ Văn Đ và số P 643553, cấp ngày 11/11/1999 đối với phần diện tích đất 201m² tại thửa số 995² tờ bản đồ 24 mang tên hộ Ông Lê Hữu D.

6. Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T và Ông Vũ Văn V có quyền, nghĩa vụ đến liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện việc điều chỉnh, chỉnh lý, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Buộc vợ chồng Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T phải thanh toán cho Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T số tiền: 29.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

8. Về án phí: Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T phải chịu 1.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ một phần vào số tiền tạm ứng án phí mà Ông Lê Hữu D đã nộp theo biên lai số AA/2020/0060496, ngày 11/10/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện BV. Hoàn trả Ông Lê Hữu D số tiền tạm ứng án phí là 3.550.000 đồng.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ hai: Người kháng cáo Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày cụ thể yêu cầu chia đôi diện tích ao theo chiều ngang để liền thổ với thửa đất thổ cư của nhà anh chị. Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T, Bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý để Anh Vũ Văn V được sử dụng toàn bộ diện tích đất ao được chia. Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T đề nghị tòa án chia dọc ao giống như quyết định của bản án sơ thẩm số 30/2023/DSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện BV và anh V, chị T phải di dời, thu hoạch cây cối hoa màu trên phần diện tích đất chia cho hộ ông D, bà T. Ông D, bà T, anh V, chị T trình bày chỉ tranh chấp 380,5 m² ao như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, không có bên nào tranh chấp về ranh giới với các diện tích đất, ao liền kề, không đề nghị giải quyết với diện tích đất thừa trông lán. Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T tự nguyện lo lối đi vào diện tích ao được chia và không đi nhờ qua đất của gia đình anh V, chị T để vào diện tích ao được chia. Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T tự nguyện thanh toán cho Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T số tiền 29.000.000 đồng tiền san lấp ao.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BV, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về thủ tục: Bị đơn Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

*Về tố tụng: Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T yêu cầu chia ao riêng biệt theo chiều dọc ao tại thửa đất ao số 995, tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp đất đai và cũng là tranh chấp bất động sản theo Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện BV, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án sơ thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ 2, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt gồm Bà Vũ Thị S, Bà Vũ Thị Y, Bà Dương Thị Th, Anh Lê Hữu Đ, Chị Lê Thị T và UBND xã VT nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã VT, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Năm 1989, Hợp tác xã nông nghiệp HT thuộc Ủy ban nhân dân xã VT có chủ trương đổi đất ruộng 10% ở ngoài đồng về ao trong làng. Hộ gia đình ông Vũ Văn Đ (gồm ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1931 và chết năm 2001; vợ ông Được là bà Lê Thị H, sinh năm 1933 và chết năm 2012; chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1960; chị Vũ Thị S, sinh năm 1970; chị Vũ Thị V, sinh năm 1973 và Anh Vũ Văn V, sinh năm 1976) và Hộ gia đình anh Lê Hữu D (gồm bố anh Duy là ông Lê Hữu C chết năm 2017 và anh Lê Hữu Duy, em trai anh Duy là anh Lê Huy sau này đã lấy vợ và đi ở nơi khác từ 1992 - 1993) được nhà nước (Hợp tác xã nông nghiệp HT) giao sử dụng chung diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất ao) là 401m² tại thửa số 995, tờ bản đồ số 24 tại: Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội (theo bản đồ 299 đo đạc năm 1986). Trong đó Hộ gia đình Ông Lê Hữu D được giao sử dụng 201m²; Hộ gia đình ông Vũ Văn Đ được giao sử dụng 200m². Em trai anh Duy là anh Lê Huy sau này đã lấy vợ và đi ở nơi khác nên không sử dụng diện tích đất ao trên nữa từ năm 1992-1993. Ông Lê Hữu D vẫn sử dụng đất ao để thả cá.

Hộ Ông Lê Hữu D đã được UBND huyện BV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ao nêu trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643553 ngày 11/11/1999 trong đó ghi rõ diện tích đất ao nêu trên: thuộc tờ bản đồ 24, số thửa 195²; diện tích: 201m²; mục đích sử dụng: sản xuất nông nghiệp.

Hộ ông Vũ Văn Đ đã được UBND huyện BV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ao nêu trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643180 ngày 11/11/1999 trong đó ghi rõ diện tích đất ao nêu trên: thuộc tờ bản đồ 24, số thửa 993²; diện tích: 200m²; mục đích sử dụng: sản xuất nông nghiệp.

Diện tích đất ao của hộ gia đình Ông Lê Hữu D theo GCNQSD đất có ghi số thửa là 195² ; thuộc tờ bản đồ 24; diện tích 201m² (theo sổ địa chính của UBND xã VT lập năm 1999 thì số thửa là 195², địa danh thửa đất là đất ao, thuộc tờ bản đồ 24; diện tích 201m²; mục đích sử dụng để sản xuất nông nghiệp; chủ sử dụng đất là hộ Ông Lê Hữu D và vợ chủ hộ là Bà Đào Thị T-số quản lý P 643553. Lúc này, ông Lê Hữu C là bố anh Duy và anh Lê Huy là em trai của anh

Duy đã tách hộ và được cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp ở nơi khác trong thôn HT, xã VT, huyện BV và cũng được thể hiện trong sổ địa chính của UBND xã VT năm 1999-số quản lý P643583) còn diện tích đất ao của hộ gia đình ông Vũ Văn Đ theo GCNQSD đất có ghi số thửa là 993²; thuộc tờ bản đồ 24; diện tích 200m² (theo sổ địa chính của UBND xã VT lập năm 1999 thì số thửa là 995², địa danh thửa đất là đất ao, thuộc tờ bản đồ 24; diện tích 200m²; mục đích sử dụng để sản xuất nông nghiệp; chủ sử dụng đất là hộ ông Vũ Văn Đ và vợ chủ hộ là bà Lê Thị H-số quản lý P 643180). Nhưng theo bản đồ 299 lập năm 1986 thì số thửa chung của cả 401 m² đất ao của hai hộ là thửa số 995, tờ bản đồ 24 nên thực chất thửa số 195², thửa số 993² và thửa số 995² nêu trên là cùng một thửa số 995, thuộc tờ bản đồ số 24, Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội. Bản đồ 299 đo đạc năm 1986 là bản đồ duy nhất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cho các hộ gia đình trong xã VT, huyện BV, Hà Nội.

Tuy nhiên khi giao đất năm 1989 thì giao hai nhà sử dụng chung cả 401m² và hai nhà sử dụng ao để thả cá chung. Sau này đến khoảng năm 2000-2001, hai gia đình đã tự thỏa thuận miệng chia dọc ao mỗi nhà một nửa và có đắp bờ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vào ngày 11/11/1999 cho hộ gia đình Ông Lê Hữu D và hộ gia đình ông Vũ Văn Đ cũng không thể hiện rõ hình thửa sơ đồ đất, không thể hiện trích lục bản đồ thửa đất theo hiện trạng thửa đất. Từ năm 2016 đến năm 2021, gia đình nhà ông V có đổ đất lấp ao theo chiều ngang ao cho liền thửa với thửa đất thổ cư nhà ông V. Gia đình ông D, bà T không đồng ý và có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã VT giải quyết. Ủy ban nhân dân xã VT đã hòa giải cho hai gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai bên chỉ tranh chấp là chia dọc ao theo ranh giới ban đầu hay chia ngang ao theo việc nhà ông V lấp ao sau này.

Do việc tự ý lấp ao không đúng quy định của pháp luật của nhà ông V, Ủy ban nhân dân xã VT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1126/QĐ-XPHC ngày 24/6/2022 đối với Ông Vũ Văn V.

Tòa án nhân dân huyện BV đã cùng Ủy ban nhân dân xã VT tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 21/12/2022 về diện tích đất ao đang tranh chấp giữa hai gia đình ông D và gia đình ông V tại thửa đất 995, tờ bản đồ 21, Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội. Hiện trạng xem xét cho thấy, gia đình ông V đã đổ đất thành vườn trên $\frac{1}{2}$ diện tích đất ao chung của gia đình ông D và gia đình ông V và trồng một số cây ăn quả còn $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại là mặt nước. Thực trạng sử dụng đất ao cho thấy dù chia dọc hay chia ngang thì gia đình ông D, bà T đều không có lối đi vào ao. Trước đây khi sử dụng thì gia đình ông D đi nhờ qua đất nhà ông V để sử dụng ao.

Quá trình sử dụng đất ao, gia đình ông D và gia đình ông V vẫn đóng thuế sử dụng đất tương ứng với diện tích đất ao mình được giao theo đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông D, bà T: yêu cầu anh V chị T phải tôn trọng việc chia ao dọc như trước kia theo hiện trạng các bên đã thỏa thuận, buộc ông V, bà T phải trả lại phần ao mà ông V, bà T đã đổ đất cho gia đình ông D, bà T. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bản chất trong vụ án này phát sinh từ việc 02 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất khi cấp cho các hộ gia đình sử dụng đều không thể hiện sơ đồ thửa đất, không thể hiện trích lục bản đồ thửa đất theo hiện trạng thửa đất, cả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi số thửa, tờ bản đồ và diện tích (201m²; 200m²), chứ không thể hiện hình thửa, như vậy trong quá trình sử dụng các bên không thể xác định diện tích đất hộ gia đình mình được giao có chiều dài, chiều rộng, điểm tiếp giáp cụ thể. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng, các hộ đã có sự thỏa thuận chia dọc diện tích đất ao (401m²), sự thỏa thuận này được thể hiện trên thực tế sử dụng các bên đã đắp bờ giữa Ao làm ranh giới phân chia, phân định quyền sử dụng của 02 hộ, việc thỏa thuận phân chia theo chiều dọc phát sinh và các bên sử dụng ổn định từ năm 2001 đến năm 2016, 2021 phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp. Mặc dù khi đắp bờ chia dọc Ao các hộ gia đình không lập biên bản nhưng đã được chính ông D, bà T, anh V và chị T thừa nhận, các hộ liền kề gồm gia đình bà Lê Thị T, ông Lê Hữu Đ, Bà Dương Thị Th xác nhận là sự thật. Như vậy yêu cầu của ông D, bà T chia ao theo chiều dọc là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của anh V, chị T đề nghị giữ nguyên hạng trạng hiện nay theo chiều ngang mà anh V, chị T đã đổ đất san lấp ao theo chiều ngang và không đồng ý với yêu cầu của ông D, bà T, không trả lại diện tích đất ao theo chiều dọc vì trong quá trình sử dụng, mặc dù ban đầu các bên có sử dụng theo chiều dọc, có đắp bờ kè giữa ao hai bên sử dụng riêng biệt nhưng cũng không có văn bản chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đến năm 2016, anh V chị T khi tiến hành đổ đất san lấp ao, để thuận tiện cho việc sử dụng liền kề, anh V, chị T đã sang gặp cụ C là bố đẻ ông D, được sự đồng ý của cụ C, ông D, bà T, thì anh V chị T mới đổ đất san lấp theo chiều ngang, việc cụ C, ông D, bà T đồng ý cho lấp theo chiều ngang cũng chỉ bằng miệng không có văn bản gì. HĐXX xét thấy việc anh V, chị T cho rằng khi đổ đất san lấp đất ao theo chiều ngang có sự đồng ý của cụ C, ông D, bà T, tuy nhiên cụ C đã chết từ lâu, bản thân ông D, bà T cũng không thừa nhận,. Do vậy yêu cầu của anh V, chị T không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đo hiện trạng thửa đất ao số 995 tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV thấy rằng: Diện tích theo bản đồ 299 là 401m², diện tích theo hiện trạng là 510,8m²; Tuy nhiên qua đối chiếu hiện trạng thửa đất với bản đồ quản lý đất đai 299 thể hiện phần diện tích tăng thêm có sự trồng lấn sang diện tích các hàng xóm liền kề, nhưng trong việc này không có sự lấn chiếm vì là ao mặt nước nên có sự sạt lở theo thời gian. Đối với diện tích 60,9m² bờ ao, theo quan điểm của đại diện UBND xã VT thì hộ gia đình Ông Lê Hữu D, Đào Thị Thu, Vũ Văn V và Đào Thị T chỉ được sử dụng phần mặt nước của ao, phần bờ ao đề nghị giữ nguyên hiện trạng. Qua đối chiếu đã xác định được diện tích mặt nước là 380,5m² là giảm so với diện tích được giao 401m², quá trình sử dụng có sự biến động hiện trạng và số liệu tính toán có sai số cho phép, do vậy các hộ chỉ được sử dụng theo diện tích thực tế còn lại theo hiện trạng sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự cũng thống nhất chỉ tranh chấp diện tích mặt nước còn lại là 380,5m². Ông D, bà T đề nghị chia dọc ao. Gia đình ông V đề nghị chia ngang ao. Các bên không có tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề, không đề nghị giải quyết với diện tích đất thừa trồng lấn.

Như vậy hộ gia đình Ông Lê Hữu D, Đào Thị Thu và hộ ông Vũ Văn Đ được sử dụng diện tích đất ao tương ứng với tỷ lệ diện tích được giao ban đầu. Cụ thể: Chia cho hộ gia đình Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T được sử dụng 190,2m² (Theo chiều dọc Ao), giáp nhà ông Th. Hộ gia đình ông Vũ Văn Đ được sử dụng 190,3m² (Theo chiều dọc Ao), giáp nhà ông SH (Có sơ đồ kèm theo).

Đối với cây cối, hoa màu, tài sản khác trên phần diện tích đất Ao được giao cho ông D, bà T: Bản án của Tòa án huyện BV quyết định buộc anh V, chị T phải có trách nhiệm di dời, thu hoạch cây cối, hoa màu, các tài sản khác trên phần đất được giao cho hộ Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T, để trả lại mặt bằng cho hộ Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Vũ Thị Đ, Vũ Thị X, Vũ Thị S và Vũ Thị Y là các con cụ Đ, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ đều có quan điểm: xác định đối với diện tích đất ao tại thửa 995, diện tích 200m² tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội là tài sản do bố mẹ là ông Vũ Văn Đ, bà Lê Thị H để lại, bốn chị em các bà cũng cam kết để lại toàn bộ diện tích đất này cho em là Vũ Văn V sử dụng và không có tranh chấp, đòi hỏi gì đối với diện tích đất này. Vợ anh V là Chị Đào Thị T cũng nhất trí đồng ý để Anh Vũ Văn V được sử dụng toàn bộ diện tích đất ao như các chị anh V đã trình bày. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các hàng thừa kế và của chị T, do vậy phần diện tích đất ao sẽ giao cho anh V sử dụng quản lý là phù hợp với quy định pháp luật. Hơn nữa, khi ông Vũ Văn Đ mất, Anh Vũ Văn V là con ông Được đồng thời cũng là thành viên duy nhất của hộ gia đình ông Được đang sử dụng đất ao này nên tiếp tục giao cho anh V sử dụng diện tích đất ao là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với việc đổ đất san lấp ao: Năm 2016 và năm 2021, Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T đã thực hiện việc đổ đất san lấp ao, khi thực hiện việc đổ đất, anh V, chị T có hỏi gia đình ông D, bà T cho đi nhờ để vận chuyển đất đổ vào phần ao của mình và được ông D, bà T đồng ý. Nhưng khi đổ đất, anh V, chị T đã tự ý đổ đất ngang ao, tức là anh V, chị T đổ đất lấp phần ao giáp với thửa đất số 996, tờ bản đồ số 24 (đất thổ cư anh V, chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Từ năm 2016 đến năm 2021, anh V, chị T đổ đất hết tổng số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Sau khi đổ đất, hai bên gia đình đã xảy ra tranh chấp. Trên phần ao anh V, chị T tự ý san lấp, hiện nay anh V, chị T đã trồng cây cối, hoa màu trên đất. UBND xã VT cũng đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1126/QĐ-XPHC ngày 24/6/2022 đối với Anh Vũ Văn V do hành vi vi phạm hành chính: “*Tự ý san lấp ao để trồng cây ăn quả và cây hàng năm tại thửa đất số 995 tờ bản đồ số 24 thôn HT, xã VT(bản đồ 299 đo đạc năm 1986)*”. Tổng số tiền mà anh V, chị T bỏ ra để san lấp hết số tiền 58.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà T có quan điểm tự nguyện thanh toán công lấp ao cho ông V là: 29.000.000 đồng và tự lo lối đi vào diện tích ao được chia và không đi nhờ qua đất của gia đình anh V, chị T, nên được ghi nhận.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở giải quyết vụ án như sau: Xác định phần đất ao thực tế có diện tích: 380,5m² là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Ông Lê Hữu D và hộ ông Vũ Văn Đ. Lấy điểm F – C làm ranh giới 02 diện tích đất được chia 1/2 theo chiều dọc của ao. Chia cho hộ Ông Lê Hữu D (ông D có vợ là Bà Đào Thị T) được sử dụng diện tích tương đương 1/2 diện tích đất Ao là 190,2m² theo chiều dọc, tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Được giới hạn từ các điểm: F, C, 6, B, A, 2, G, F (Có sơ đồ kèm theo). Buộc Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T phải có trách nhiệm di dời, thu hoạch cây cối, hoa màu, các tài sản khác trên phần đất được giao cho hộ Ông Lê Hữu D để trả lại mặt bằng cho hộ Ông Lê Hữu D.

Chia cho hộ ông Vũ Văn Đ sử dụng diện tích tương đương diện tích 1/2 diện tích đất Ao là 190,3m² theo chiều dọc tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Công nhận sự thỏa thuận của Chị Đào Thị T cùng các hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Văn Đ gồm: Bà Vũ Thị Đ, Bà Vũ Thị X, Bà Vũ Thị S, Bà Vũ Thị Y, Anh Vũ Văn V: Giao cho Anh Vũ Văn V được sử dụng 1/2 diện tích đất ao là 190,3m² theo chiều dọc tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24 tại thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Được giới hạn từ các điểm: F, C, D, E, 11, F (Có sơ đồ kèm theo).

Đối với phần diện tích đất các hộ liền kề Bà Dương Thị Th, Anh Lê Hữu Đ, Chị Lê Thị T: Qua đối chiếu mặc dù sơ đồ hiện trạng thể hiện có sự trùng lấn lên các phần đất liền kề, tuy nhiên đây được xác định diện tích đất ao có sự sạt lở theo thời gian, các bên liền kề với hộ ông D, anh V không có tranh chấp gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hộ Ông Lê Hữu D được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643553, cấp ngày 11/11/1999 đối với thửa đất số 195²; tờ bản đồ số 24; diện tích 201m². Hộ ông Vũ Văn Đ (Nay anh là Vũ Văn V, Chị Đào Thị T đang sử dụng) được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất số P 643180, cấp ngày 11/11/1999 đối với thửa đất số 993²; số tờ bản đồ 24; diện tích 200m². Tuy nhiên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 hộ ông D, ông Được đều không thể hiện hình thửa, trích lục bản đồ hiện trạng. Do vậy, HĐXX kiến nghị UBND huyện BV, thành phố Hà Nội điều chỉnh thông tin địa chính thửa đất 995, tờ bản đồ số 24 (theo bản đồ địa chính số 299 lập năm 1986) theo kết quả phân chia quyền sử dụng đất của bản án này liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643180, cấp ngày 11/11/1999 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643553, cấp ngày 11/11/1999 đứng tên hộ Ông Lê Hữu D.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T. Bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BV, Thành phố Hà Nội là đúng pháp luật nhưng cần sửa về cách tuyên án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí: Bản án dân sự sơ thẩm xác định đúng về án phí dân sự sơ thẩm. Người kháng cáo ông V, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26; Điều 35, 39, 147, 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 166, 175, 176, 208, 209, 219, 220 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện BV, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T đối với Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T.

2. Xác định phần đất ao thực tế có diện tích: 380,5m² tại thửa đất 995, tờ bản đồ số 24, Thôn HT, xã VT, huyện BV, Hà Nội (bản đồ 299 đo đạc năm 1986) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Ông Lê Hữu D và hộ ông Vũ Văn Đ.

3. Xác định lấy điểm F – C làm ranh giới 02 diện tích đất được chia theo chiều dọc của ao. Chia cho hộ Ông Lê Hữu D (ông D có vợ là Bà Đào Thị T) được sử dụng diện tích đất ao là 190,2m² theo chiều dọc, tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24, thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Được giới hạn từ các điểm: F, C, 6, B, A, 2, G, F (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T phải có trách nhiệm di dời, thu hoạch cây cối, hoa màu, các tài sản khác trên phần đất được giao cho hộ Ông Lê Hữu D để trả lại mặt bằng cho hộ Ông Lê Hữu D.

4. Chia cho hộ ông Vũ Văn Đ sử dụng diện tích đất ao là 190,3m² theo chiều dọc tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24, thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Công nhận sự thỏa thuận của Chị Đào Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Văn Đ gồm: Bà Vũ Thị Đ, Bà Vũ Thị X, Bà Vũ Thị S, Bà Vũ Thị Y, Anh Vũ Văn V: Giao cho Anh Vũ Văn V được sử dụng diện tích đất ao là 190,3m² theo chiều dọc tại thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24, thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội. Được giới hạn từ các điểm: F, C, D, E, 11, F (Có sơ đồ kèm theo).

5. Kiến nghị UBND huyện BV, Thành phố Hà Nội điều chỉnh thông tin địa chính thửa đất 995, tờ bản đồ số 24, thôn HT, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội (bản đồ địa chính số 299 lập năm 1986) theo kết quả phân chia quyền sử dụng đất của bản án này liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643180 cấp ngày 11/11/1999 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 643553 cấp ngày 11/11/1999 đứng tên hộ Ông Lê Hữu D.

6. Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T và Ông Vũ Văn V có quyền, nghĩa vụ đến liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện việc điều chỉnh, chỉnh lý, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T thanh toán cho Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T số tiền: 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

8. Về án phí: Ông Lê Hữu D, Bà Đào Thị T phải chịu 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng Ông Lê Hữu D đã nộp theo biên lai số AA/2020/0060496, ngày 11/10/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện BV. Hoàn trả Ông Lê Hữu D số tiền tạm ứng án phí là 3.550.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Anh Vũ Văn V, Chị Đào Thị T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0061043 ngày 13/6/2023 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0061044 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BV, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện BV;
- Chi cục THADS huyện BV;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh